



This document has been provided by the International Center for Not-for-Profit Law (ICNL).

ICNL is the leading source for information on the legal environment for civil society and public participation. Since 1992, ICNL has served as a resource to civil society leaders, government officials, and the donor community in over 90 countries.

Visit ICNL's **Online Library** at
<http://www.icnl.org/knowledge/library/index.php>
for further resources and research from countries all over the world.

Disclaimers

Content. The information provided herein is for general informational and educational purposes only. It is not intended and should not be construed to constitute legal advice. The information contained herein may not be applicable in all situations and may not, after the date of its presentation, even reflect the most current authority. Nothing contained herein should be relied or acted upon without the benefit of legal advice based upon the particular facts and circumstances presented, and nothing herein should be construed otherwise.

Translations. Translations by ICNL of any materials into other languages are intended solely as a convenience. Translation accuracy is not guaranteed nor implied. If any questions arise related to the accuracy of a translation, please refer to the original language official version of the document. Any discrepancies or differences created in the translation are not binding and have no legal effect for compliance or enforcement purposes.

Warranty and Limitation of Liability. Although ICNL uses reasonable efforts to include accurate and up-to-date information herein, ICNL makes no warranties or representations of any kind as to its accuracy, currency or completeness. You agree that access to and use of this document and the content thereof is at your own risk. ICNL disclaims all warranties of any kind, express or implied. Neither ICNL nor any party involved in creating, producing or delivering this document shall be liable for any damages whatsoever arising out of access to, use of or inability to use this document, or any errors or omissions in the content thereof.

LUẬT

CỦA QUỐC HỘI NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SỐ 07/2003/QH11 NGÀY 17 THÁNG 6 NĂM 2003 VỀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10;

Luật này sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng ngày 10 tháng 5 năm 1997.

Điều 1

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng:

1- Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 4. Đối tượng không thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng

Hàng hóa, dịch vụ dưới đây không thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng:

1. Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, hải sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra;
2. Sản phẩm là giống vật nuôi, giống cây trồng;
3. Sản phẩm muối;
4. Thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ và vật tư xây dựng thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp; thiết bị, máy móc, vật tư, phương tiện vận tải thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để sử dụng trực tiếp vào hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; máy bay, dàn khoan, tàu thủy thuê của nước ngoài thuộc loại trong nước chưa sản xuất được dùng cho sản xuất, kinh doanh; thiết bị, máy móc, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng và vật tư thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ dầu khí;

5. Nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do Nhà nước bán cho người đang thuê;
6. Chuyển quyền sử dụng đất;
7. Dịch vụ tín dụng, quỹ đầu tư, hoạt động kinh doanh chứng khoán;
8. Bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm học sinh, bảo hiểm vật nuôi, bảo hiểm cây trồng và các loại bảo hiểm không nhằm mục đích kinh doanh;
9. Dịch vụ y tế;
10. Hoạt động văn hoá, triển lãm và thể dục, thể thao không nhằm mục đích kinh doanh; biểu diễn nghệ thuật; sản xuất phim; nhập khẩu, phát hành và chiếu phim nhựa, phim vi-đi-ô tài liệu;
11. Dạy học, dạy nghề;
12. Phát sóng truyền thanh, truyền hình theo chương trình bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
13. Xuất bản, nhập khẩu và phát hành báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành, sách chính trị, sách giáo khoa, giáo trình, sách văn bản pháp luật, sách khoa học - kỹ thuật, sách in bằng chữ dân tộc thiểu số và tranh, ảnh, áp phích tuyên truyền cổ động; in tiền;
14. Dịch vụ phục vụ công cộng về vệ sinh, thoát nước đường phố và khu dân cư; duy trì vườn thú, vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng; dịch vụ tang lễ;
15. Duy tu, sửa chữa, xây dựng các công trình văn hóa, nghệ thuật, công trình phục vụ công cộng, cơ sở hạ tầng và nhà tình nghĩa bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân và vốn viện trợ nhân đạo;
16. Vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt, xe điện;
17. Điều tra, thăm dò địa chất; đo đạc, lập bản đồ thuộc loại điều tra cơ bản của Nhà nước;
18. Tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp; nước sạch do tổ chức, cá nhân tự khai thác để phục vụ cho sinh hoạt ở nông thôn, miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa;
19. Vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh;
20. Hàng hóa nhập khẩu trong các trường hợp sau: hàng viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại; quà tặng cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân; quà biếu, quà tặng cho cá nhân ở Việt Nam theo mức quy định của Chính phủ; đồ dùng của tổ chức, cá

nhân nước ngoài theo tiêu chuẩn miễn trừ ngoại giao; hàng mang theo người trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế.

Hàng hoá bán cho tổ chức quốc tế, người nước ngoài để viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam;

21. Hàng hoá chuyên khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam; hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu và tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu;

22. Vận tải quốc tế; hàng hóa, dịch vụ cung ứng trực tiếp cho vận tải quốc tế và dịch vụ tái bảo hiểm ra nước ngoài;

23. Chuyển giao công nghệ; phần mềm máy tính;

24. Dịch vụ bưu chính, viễn thông và Internet phổ cập theo chương trình của Chính phủ;

25. Vàng nhập khẩu dạng thỏi, miếng chưa được chế tác thành các sản phẩm mỹ nghệ, đồ trang sức hay sản phẩm khác;

26. Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên khoáng sản khai thác chưa qua chế biến do Chính phủ quy định;

27. Sản phẩm là bộ phận nhân tạo dùng để thay thế cho bộ phận của người bệnh; nạng, xe lăn và dụng cụ chuyên dùng khác cho người tàn tật;

28. Hàng hóa, dịch vụ của cá nhân kinh doanh có mức thu nhập thấp. Mức thu nhập thấp do Chính phủ quy định.

Hàng hóa, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng quy định tại Điều này không được khấu trừ và hoàn thuế giá trị gia tăng đầu vào, trừ trường hợp được áp dụng mức thuế suất 0% quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật này.”

2- Bổ sung khoản 8 vào Điều 7 như sau:

“8. Giá tính thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt ở khâu sản xuất, kinh doanh trong nước là giá bán đã có thuế tiêu thụ đặc biệt nhưng chưa có thuế giá trị gia tăng; ở khâu nhập khẩu là giá nhập khẩu tại cửa khẩu cộng thuế nhập khẩu (nếu có) cộng thuế tiêu thụ đặc biệt.”

3- Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 8. Thuế suất

Mức thuế suất thuế giá trị gia tăng được quy định như sau:

1. Mức thuế suất 0% đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, kể cả hàng hóa, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng xuất khẩu, trừ các trường hợp sau: vận tải quốc tế; hàng hóa, dịch vụ cung ứng trực tiếp cho vận tải quốc tế; dịch vụ tái bảo hiểm ra nước ngoài; dịch vụ tín dụng, đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán ra nước ngoài và sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên khoáng sản khai thác chưa qua chế biến do Chính phủ quy định.

2. Mức thuế suất 5% đối với hàng hoá, dịch vụ:

a) Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt, trừ trường hợp quy định tại khoản 18 Điều 4 của Luật này;

b) Phân bón, quặng để sản xuất phân bón; thuốc trừ sâu bệnh và chất kích thích tăng trưởng vật nuôi, cây trồng;

c) Thiết bị và dụng cụ y tế; bông và băng vệ sinh y tế; thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh; sản phẩm hóa dược, dược liệu là nguyên liệu sản xuất thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh;

d) Giáo cụ dùng để giảng dạy và học tập;

đ) In các loại sản phẩm quy định tại khoản 13 Điều 4 của Luật này, trừ in tiền;

e) Đồ chơi cho trẻ em; sách các loại, trừ sách quy định tại khoản 13 Điều 4 của Luật này; băng từ, đĩa đã ghi hoặc chưa ghi chương trình;

g) Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, hải sản chưa qua chế biến, trừ đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 4 của Luật này;

h) Thực phẩm tươi sống; lâm sản chưa qua chế biến, trừ gỗ, măng và đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 4 của Luật này;

i) Đường; phụ phẩm trong sản xuất đường gồm giẻ đường, bã mía, bã bùn;

k) Sản phẩm bằng đay, cói, tre, nứa, lá;

l) Bông sơ chế từ bông trồng ở trong nước;

m) Thức ăn gia súc, gia cầm và thức ăn cho vật nuôi khác;

n) Dịch vụ khoa học - kỹ thuật;

o) Dịch vụ trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp;

p) Than đá, đất, đá, cát, sỏi;

q) Hóa chất cơ bản; sản phẩm cơ khí là tư liệu sản xuất; khuôn đúc các loại; vật liệu nôm; đá mài; giấy in báo; bình bơm thuốc trừ sâu; mũ cao su sơ chế; nhựa thông sơ chế; ván ép nhân tạo; sản phẩm bê tông công nghiệp gồm dầm cầu bê tông, dầm và khung nhà bê tông, cọc bê tông, cột điện bê tông, ống cống tròn bê tông, hộp bê tông các loại, pa-nen và các loại cấu kiện bê tông cốt thép đúc sẵn phi tiêu chuẩn, bê tông thương phẩm; lớp và bộ sấm lớp cỡ từ 900-20 trở lên; ống thủy tinh trung tính; lưới, dây giềng và sợi để đan lưới đánh cá;

r) Sản phẩm luyện, cán, kéo kim loại đen, kim loại màu, kim loại quý, trừ vàng nhập khẩu quy định tại khoản 25 Điều 4 của Luật này;

s) Máy xử lý dữ liệu tự động và các bộ phận, phụ tùng của máy;

t) Duy tu, sửa chữa, phục chế di tích lịch sử - văn hóa, bảo tàng, trừ trường hợp quy định tại khoản 15 Điều 4 của Luật này;

u) Vận tải, bốc xếp; nạo vét luồng, lạch, cảng sông, cảng biển; hoạt động trục vớt, cứu hộ;

v) Phát hành và chiếu phim vi-đi-ô, trừ phát hành và chiếu phim vi-đi-ô tài liệu quy định tại khoản 10 Điều 4 của Luật này.

3. Mức thuế suất 10% đối với hàng hoá, dịch vụ:

a) Dầu mỏ, khí đốt, quặng và sản phẩm khai khoáng khác;

b) Điện thương phẩm;

c) Sản phẩm điện tử, sản phẩm cơ khí tiêu dùng, đồ điện;

d) Hóa chất, mỹ phẩm;

đ) Sợi, vải, sản phẩm may mặc, thêu ren;

e) Giấy và sản phẩm bằng giấy, trừ giấy in báo quy định tại điểm q khoản 2 Điều này;

g) Sữa, bánh, kẹo, nước giải khát và các loại thực phẩm chế biến khác;

h) Sản phẩm gốm, sứ, thủy tinh, cao su, nhựa; gỗ và sản phẩm bằng gỗ; xi măng, gạch, ngói và vật liệu xây dựng khác;

i) Dịch vụ bưu chính, viễn thông và Internet, trừ dịch vụ bưu chính, viễn thông và Internet phổ cập theo chương trình của Chính phủ quy định tại khoản 24 Điều 4 của Luật này;

k) Cho thuê nhà, kho, bến bãi, nhà xưởng, máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải;

- l) Dịch vụ tư vấn pháp luật;
- m) Chụp ảnh, in ảnh, phóng ảnh; in băng, sang băng, cho thuê băng; quay vi-đi-ô; sao chụp;
- n) Khách sạn, du lịch, ăn uống;
- o) Hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt;
- p) Xây dựng, lắp đặt;
- q) Vàng, bạc, đá quý, trừ vàng nhập khẩu quy định tại khoản 25 Điều 4 của Luật này;
- r) Đại lý tàu biển;
- s) Dịch vụ môi giới;
- t) Hàng hóa, dịch vụ khác không quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.”

4- Khoản 1 và khoản 2 Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào (sau đây gọi là thuế đầu vào) như sau:

- a) Thuế đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng thì được khấu trừ toàn bộ;
- b) Thuế đầu vào của hàng hoá, dịch vụ dùng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng và không chịu thuế giá trị gia tăng thì chỉ được khấu trừ số thuế đầu vào của hàng hoá, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng;
- c) Thuế đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó; thời gian kê khai tối đa là ba tháng, kể từ thời điểm kê khai thuế của tháng phát sinh; đối với tài sản cố định, nếu có số thuế đầu vào được khấu trừ lớn thì được khấu trừ dần hoặc được hoàn thuế theo quy định của Chính phủ;
- d) Hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu được khấu trừ thuế đầu vào phải được cơ quan hải quan xác nhận là hàng hoá đã thực xuất khẩu đối với hàng hoá xuất khẩu; phải có hợp đồng bán hàng hoá, gia công hàng hoá, cung ứng dịch vụ cho bên nước ngoài; phải có hoá đơn bán hàng hoá, dịch vụ cho bên nước ngoài; phải được thanh toán qua ngân hàng, trừ trường hợp thanh toán bù trừ giữa hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu với hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu, trả nợ thay Nhà nước và một số trường hợp thanh toán đặc biệt khác.

Chính phủ quy định cụ thể thủ tục, điều kiện thanh toán đối với hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu được khấu trừ thuế đầu vào;

đ) Việc khấu trừ thuế đầu vào đối với một số trường hợp đặc biệt do Chính phủ quy định.

2. Căn cứ để xác định số thuế đầu vào được khấu trừ là số thuế giá trị gia tăng ghi trên hoá đơn giá trị gia tăng khi mua hàng hoá, dịch vụ hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa nhập khẩu; trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua vào không có hóa đơn giá trị gia tăng hoặc có hóa đơn giá trị gia tăng nhưng không đúng quy định của pháp luật thì cơ sở kinh doanh không được khấu trừ thuế.”

5- Bổ sung khoản 4 vào Điều 11 như sau:

“4. Cơ sở kinh doanh in, phát hành, sử dụng hóa đơn không đúng quy định để trốn thuế, gian lận trong khấu trừ thuế, hoàn thuế thì ngoài việc bị truy thu, truy hoàn số tiền thuế còn bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.”

6- Khoản 1 Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Cơ sở kinh doanh có trách nhiệm nộp thuế giá trị gia tăng vào ngân sách nhà nước đầy đủ, đúng quy định. Thời hạn nộp thuế hàng tháng chậm nhất là ngày 25 của tháng tiếp theo;”

7- Bổ sung khoản 5 vào Điều 14 như sau:

“5. Chính phủ quy định cụ thể thủ tục kê khai, nộp thuế phù hợp với yêu cầu cải cách thủ tục hành chính, nâng cao ý thức trách nhiệm của cơ sở kinh doanh trước pháp luật, =lồng thời tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật của cơ quan thuế, bảo đảm quản lý thu thuế chặt chẽ, có hiệu quả.”

8- Khoản 3 Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Quyết định xử lý hoàn thuế của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và các trường hợp hoàn thuế theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.”

9- Khoản 2 Điều 17 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Thông báo số thuế phải nộp cho cơ sở kinh doanh do Chính phủ quy định, đơn đốc cơ sở kinh doanh nộp thuế đúng thời hạn; nếu quá thời hạn nộp thuế mà cơ sở kinh doanh chưa nộp thì ra thông báo về số thuế phải nộp và số tiền phạt chậm nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 19 của Luật này; nếu cơ sở kinh doanh vẫn không nộp đủ số thuế, số tiền phạt theo thông báo thì có quyền áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định tại khoản 4 Điều 19 của Luật này để bảo đảm thu đủ số thuế, số tiền phạt; nếu đã thực hiện các biện pháp xử lý trên mà cơ sở kinh doanh vẫn không nộp đủ số thuế, số tiền phạt thì chuyển hồ sơ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật;”

Điều 2

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2004.

Điều 3

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật này.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2003.